

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TRỮ HÀNG HOÁ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22/4/2025 của UBND xã Sơn Tân)

TT	Tên doanh nghiệp/Địa chỉ dự trữ	Mặt hàng lương thực, thực phẩm					Nhiên liệu			vật liệu xây dựng				khác	Hàng hoá khác (quy đổi ra tiền)	thời gian dự trữ (Từ... đến)	Ghi chú
		Mỹ ăn liền	Lươn g khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Các mặt hàng lương thực, thực phẩm (khác)	xăng	Dầu dieze n	Dầu hoả	Tôn lợp	Tấm lợp bằng vật liệu khác	Đinh vít	Dây thép				
		số lượng (thùng)	số lượng (thùn	số lượng (tấn)	số lượng (thùng)	số lượng (tấn)	số lượng (lít)	số lượng (lít)	số lượ ng	số lượng (tấn)	số lượng (tấn)	số lượng (tấn)	số lượng (tấn)		số lượng (triệu)		
('1)	('2)	('3)	('4)	('5)	('6)	('7)	('8)	('9)	('10)	('11)	('12)	('13)	('14)	('15)	('16)	('17)	('18)
1	Trần Duy Thu Hồng	100		5	20	2	60	0	0	20	20	0,2	0,1		100	tháng 9 - 12/2025	Bãi màu
2	Ngô Thị Lệ	20		0	9	0,2	30	0	0	0	0	0	0		20	tháng 9 - 12/2025	Bãi màu
3	Nguyễn Thị Loan	5		2	5	0	0	0	0	0	0	0	0		20	tháng 9 -12/2025	Bãi màu
4	Trần Thị Vân	20		2	5	0,2	30	0	0	0	0	0	0		20	tháng 9 -12/2025	Bãi màu
5	Nguyễn Trần Thị Thanh	10		2	3	0,1	30	0	0	0	0	0	0		25	tháng 9 -12/2025	Tà Đô
6	Nguyễn thị Xuân Hương	6		0	2	0,1	30	0	0	0	0	0	0		10	tháng 9 -12/2025	Tà Đô
7	Hà Thị Minh	5		1	1	0,1	0	0	0	0	0	0	0		10	tháng 9 -12/2025	Tà Đô
8	Trần Thị Chức	30		2	10	0,5	30	0	0	0	0	0	0		70	tháng 9 -12/2025	Bãi màu
9	Lê Thị Thuỳ Trang	4		2	2	0,1	30	0	0	0	0	0	0		30	tháng 9 -12/2025	Đăk Be
10	Võ Thị Bé Uyên	4		2	4	0,1	30	0	0	0	0	0	0		30	tháng 9 -12/2025	Ra Nhua
11	Phan Tại Duy	10		2	5	0,1	60	0	0	0	0	0	0		40	tháng 9 -12/2025	Ra Nhua
12	Lê Thị Bích Loan	10		2	5	0,1	30	0	0	0	0	0	0		40	tháng 9 -12/2025	Ra Nhua
13	Trần Thị Hội	2		0	0	0	0	0	0	100	50	0,1	0,1		50	tháng 9 -12/2025	Bãi màu
Tổng:		226	0	22	71	3,6	360	0	0	120	70	0,3	0,2	0	465		